

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHO TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TRONG KHẮC PHỤC KHỦNG HOẢNG GIÁ DẦU GIẢM

Cuộc khủng hoảng giá dầu giảm từ giữa năm 2014 đến đầu năm 2016 có tác động tới ngành dầu khí quốc gia và tới hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên để hiểu rõ những ảnh hưởng cần phải được nghiên cứu, xem xét ở một số góc độ như sau:

1. Tác động chung đến Tập đoàn theo các phương án giá dầu

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các doanh nghiệp thành viên là những đơn vị chịu thiệt hại lớn nhất trong vòng xoáy sâu này của giá dầu. Mỗi thùng dầu mất giá 1 USD thì doanh thu toàn Tập đoàn giảm 5.400 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước giảm 1.500 tỷ đồng. Tuy vậy, nhờ việc đưa vào khai thác các mỏ dầu khí ở nước ngoài như tại Nga, Pêru, Angiêri nên đã đưa về nguồn ngoại tệ khoảng 1,4 tỷ USD, do đó cũng phần nào khắc phục được phần hụt thu lớn từ giá dầu giảm và phần nào đảm bảo được mục tiêu doanh thu của Tập đoàn trong năm 2015.

Bảng 1: Tình hình tài chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo các phương án giá dầu khác nhau cho năm 2015-2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch theo các phương án giá dầu khác nhau (USD/thùng)						
			100	60	50	45	40	35	30
1	Khai thác dầu	Triệu tấn	16,80						
1.1	Trong nước	Triệu tấn	14,74						
1.2	Nước ngoài	Triệu tấn	2,06						
2	Khai thác khí	Tỷ m ³	9,80						
3	Tổng doanh thu toàn Tập đoàn	Nghìn tỷ đồng	718,4	515,1 203,3	472,9 245,5	453,2 265,2	434,4 284,0	392,9 325,4	370,0 348,4
	- Tư bản dầu thô	Triệu USD	12.57	7.739	6.760	6.318	5.905	4.421	3.788

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), tháng 1-2016.

Có thể thấy kế hoạch khai thác dầu của Tập đoàn năm 2015-2016 không thay đổi cho dù giá thay đổi: tổng khai thác dầu vẫn là 16,8 triệu tấn, trong đó khai thác ở trong nước là 14,74 triệu tấn và ở nước ngoài là 2,06 triệu tấn và khai thác khí là 9,8 tỷ m³. Tuy nhiên, nếu giá dầu là 100 USD/thùng thì tổng doanh thu toàn Tập đoàn là khoảng 718.000 tỷ VNĐ; nếu giá là 60 USD/thùng thì doanh thu chỉ còn xấp xỉ 515.000 tỷ VNĐ, Tập đoàn thất thu hơn 203.000 tỷ VNĐ; và nếu giá dầu ở mức 40 USD/thùng như cuối năm 2015 vừa qua thì doanh thu chỉ còn đạt khoảng 434.000 tỷ VNĐ, Tập đoàn thất thu 284.000 tỷ đồng. Hệ quả là nếu giá dầu ở mức 100 USD/thùng thì Tập đoàn nộp ngân sách nhà nước 159.000 tỷ VNĐ, còn nếu giá dầu là 40 USD/thùng thì Tập đoàn chỉ còn nộp ngân sách nhà nước được có 79.800 tỷ VNĐ, ít hơn so với mức giá 100 USD/thùng là 79.200 tỷ VNĐ. Như vậy, có thể thấy giá dầu giảm ảnh hưởng rất lớn tới doanh thu cũng như đến kế hoạch nộp ngân sách nhà nước của Tập đoàn.

2. Tác động trực tiếp tới các đơn vị tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có bốn đơn vị hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực này, trong đó, hai đơn vị của Tập đoàn chịu ảnh hưởng trực tiếp là: Liên doanh Việt - Nga (Vietsovpetro) và Tổng Công ty Thăm dò khai thác dầu khí (PVEP), cụ thể như sau:

Đối với Liên doanh Việt – Nga (Vietsovpetro - VSP)

Liên doanh Việt – Nga (Vietsovpetro - VSP) là liên doanh lớn nhất và hiệu quả nhất, trong lĩnh vực dầu khí tại Việt Nam, với doanh thu trên 66 tỷ USD tính đến giữa năm 2015. Theo ông Từ Thành Nghĩa, Tổng Giám đốc Vietsovpetro trong năm 2015 và 2016, một vấn đề lớn mà Vietsovpetrol đã và đang phải đối mặt là khó khăn về tài chính khi quỹ dầu mỏ đang nằm ở Bộ Tài chính đã lên tới hơn 1 tỷ USD, trong đó của Vietsovpetro là tới hơn 800 triệu USD. Hiện nay, Chính phủ không dùng đến khoản tiền này trong khi đó Vietsovpetro lại đang rất cần vốn. Trong điều kiện giá dầu giảm, giá dịch vụ đang giảm, nên tăng cường hoạt động tìm kiếm, thăm dò.

Bảng 2: Tình hình tài chính của VSP theo các phương án giá dầu khác nhau cho năm 2015-2016

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Giá dầu (USD/thùng)						
			100	60	50	45	40	35	30
1	Phần dầu để lại VSP, 35%	Triệu USD	1.353	796	663	597	530	464	398
2	Tổng chi phí	Triệu USD	1.353	1.310	1.235	1.160	1.090	1.050	1.050
3	Tổng thuế nộp ngân sách	Triệu USD	1.808	1.064	864	778	691	605	518
4	Phần thiếu hụt tài chính VSP	Triệu USD	0	-514	-572	-563	-559	-555	-652

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), tháng 1-2016.

Có thể thấy, nếu giá dầu là 100 USD/thùng thì phần để lại cho Liên doanh VSP là 1.353 triệu USD và VSP không thiếu kinh phí hoạt động (0 = Tổng chi phí - 35% để lại = 1.353 triệu USD - 1.353 triệu USD); nếu giá dầu là 60 USD/thùng thì phần để lại cho VSP là 796 triệu USD và phần thiếu hụt kinh phí là 514 triệu USD (Tổng chi phí - 35% để lại = 1.310 triệu USD - 796 triệu USD = 514 triệu USD); nhưng nếu giá dầu chỉ còn là 40 USD/thùng thì phần để lại cho VSP cũng chỉ còn là 530 triệu USD, phần thiếu hụt kinh phí lên tới 559 triệu USD và phần nộp ngân sách nhà nước chỉ còn 691 triệu USD. Theo các phương án như trên, khi giá dầu từ dưới 60 USD/thùng, thì VSP thiếu kinh phí hoạt động cho năm 2015 từ 560- 650 triệu USD và triển vọng giá dầu ở mức 30 USD/thùng thì PVS thiếu kinh phí hoạt động tới 652 triệu USD cho năm 2016.

Đối với Tổng Công ty Thăm dò khai thác dầu (PVEP)

Nếu giá dầu là 100a USD/thùng thì tổng thu của PVEP là 2.466 triệu USD trong đó lãi dầu là 975 triệu USD; trong khi nhu cầu phải chi là 3.387 triệu USD, trong đó chi phí vận hành khai thác là 817 triệu USD, không phụ thuộc vào kết quả khai thác được ít hay nhiều, phần tài chính cần phải vay trên thị trường vốn là 702 triệu USD. Nhưng khi phương án giá dầu xuống dưới 60 USD/thùng thì tổng thu giảm xuống rất mạnh, chỉ khoảng từ 1.700 triệu USD

trở xuống, trong khi đó tổng chi giảm không đáng kể, đặc biệt chi vận hành khai thác không thay đổi, cho dù giá có xuống dưới 30 USD/thùng thì chi phí này vẫn là 817 triệu USD, khi đó dòng tiền lãi dầu không đủ bù đắp chi phí vận hành khai thác, thiếu khoảng từ 200-340 triệu USD. Đồng thời, dòng tiền đầu tư phải thu xếp vốn vay ngân hàng trong năm 2015-2016 là từ 700-1.500 triệu USD - khoản vay rất khó xoay sở trong bối cảnh kinh tế khó khăn hiện nay.

Bảng 3: Tình hình tài chính của PVEP theo các phương án giá dầu khác nhau cho năm 2015-2016

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Giá dầu (USD/thùng)						
			100	60	50	45	40	35	30
1	Tổng thu	Triệu USD	2.466	1.717	1.529	1.435	1.342	1.248	1.155
	Trong đó: Lãi dầu	Triệu USD	975	688	617	581	545	509	473
2	Tổng nhu cầu chi	Triệu USD	3.387	3.007	2.911	2.874	2.874	2.874	2.874
	Trong đó: Chi phí vận hành khai thác	Triệu USD	817	817	817	817	817	817	817
3	Phần tài chính phải thu xếp trên thị trường vốn	Triệu USD	-702	-1.071	-1.160	-1.220	-1.314	-1.408	-1.501

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), tháng 1-2016.

TTBD ĐBDC Đối với Liên doanh Rusvietpetro (RVP)

Đây là liên doanh hoạt động có tính đặc thù vì hoạt động của Rusvietpetro tính theo đồng rúp. Thời gian qua, giá dầu giảm trên 60% thì tỷ giá lại tăng lên 65% đồng rúp mất giá so với đồng đôla Mỹ là trên 65%, vì vậy chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của RVP không thay đổi nhiều.

Khi giá dầu xuống đến mức xấp xỉ 30 USD/thùng thì hoạt động của RVP vẫn được đảm bảo và vẫn cần đẩy mạnh khai thác để tận dụng ưu đãi thuế khai thác tài nguyên đang được hưởng.

Đối với Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BDPOC)

Việc giá dầu thô trên thế giới sụt giảm mạnh cũng đã tác động một phần tới nguồn thu từ bán khí của PVN. Tuy nhiên, do hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần dịch vụ dầu khí (PSC - Petroleum Service Joint Stock) nên BDPOC phải đảm bảo chỉ tiêu sản lượng khai thác cả khí và condensate theo kế hoạch đề ra để thực hiện đúng cam kết trong các thỏa thuận thương mại. Vì thế, Tập đoàn sẽ phải chủ động thực hiện một số giải pháp đối với hoạt động của BDPOC nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và giảm thiểu tác động về doanh thu tới hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Từ đánh giá và phân tích ở trên, có thể rút ra một số nhận xét như sau: thứ nhất, việc thu xếp vốn để đảm bảo cho hoạt động của lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí trong năm 2015-2016 là rất khó khăn. Nếu giá dầu là 100 USD/thùng thì phần thiếu hụt của hai công ty là 702 triệu USD, còn nếu giá dầu từ 50 USD/thùng trở xuống thì phần thiếu hụt này dao động từ trên 1.732 triệu USD tới trên 2.000 triệu USD. Đây quả thực là con số không nhỏ trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay.

Bảng 4: Phần thiếu hụt tài chính phải thu xếp tại Vietsovpetro và PVEP

TT	Phần thiếu hụt tài chính phải thu xếp	Đơn vị tính	Theo các phương án giá dầu (USD/thùng)						
			100	60	50	45	40	35	30
1	Vietsovpetro	Triệu USD	0	-514	-572	-563	-559	-586	-652
2	PVEP	Triệu USD	-702	-1.071	-1.160	-1.220	-1.314	-1.408	-1.501
	Tổng VSP+PVEP	Triệu USD	-702	-1.585	-1.732	-1.783	-1.873	-1.994	-2.152

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), tháng 1-2016.

Thứ hai, cần có giải pháp hợp lý về vấn đề sản lượng của các mỏ có giá thành cao hơn giá bán do: (i) vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến nguồn thu ngân sách của nhà nước, GDP và hiệu quả hoạt động của Tập đoàn;

(ii) Tập đoàn tiếp tục phải gánh chịu các chi phí liên quan khí trong năm 2015-2016 là rất khó khăn. Nếu giá dầu là 100 USD/thùng thì phần thiếu hụt của hai công ty là 702 triệu USD, còn nếu giá dầu từ 50 USD/thùng trở xuống thì phần thiếu hụt này dao động từ trên 1.732 triệu USD tới trên 2.000 triệu USD. Đây quả thực là con số không nhỏ trong tình hình kinh tế nước ta hiện nay.

Bảng 4: Phần thiếu hụt tài chính phải thu xếp tại Vietsovpetro và PVEP

TT	Phần thiếu hụt tài chính phải thu xếp	Đơn vị tính	Theo các phương án giá dầu (USD/thùng)						
			100	60	50	45	40	35	30
1	Vietsovpeiro	Triệu USD	0	-514	-572	-563	-559	-586	-652
2	PVEP	Triệu USD	-702	-1.071	-1.160	-1.220	-1.314	-1.408	-1.501
	Tổng VSP+PVEP	Triệu USD	-702	-1.585	-1.732	-1.783	-1.873	-1.994	-2.152

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), tháng 1-2016.

Thứ hai, cần có giải pháp hợp lý về vấn đề sản lượng của các mỏ có giá thành cao hơn giá bán do: (i) vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến nguồn thu ngân sách của Nhà nước, GDP và hiệu quả hoạt động của Tập đoàn; (ii) Tập đoàn tiếp tục phải gánh chịu các chi phí liên quan đến duy trì mỏ và các hợp đồng dịch vụ đã ký nên gặp nhiều khó khăn trong việc hủy hợp đồng; (iii) vấn đề này ảnh hưởng tới hiệu quả cũng như việc làm của các đơn vị dịch vụ trong Tập đoàn; (iv) có thể phát sinh nhiều chi phí vận hành lại mỏ nếu đưa các mỏ này vào khai thác khi giá dầu thô tăng.

3. Tác động tới nguồn lực của Tập đoàn

Nhu cầu vốn đầu tư cân đối từ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn cho năm 2015 là 53.000 tỷ đồng và năm 2016 là 39.000 tỷ đồng. Năm 2015, Tập đoàn có thể thu xếp vốn chủ sở hữu được tích lũy từ các năm trước đủ cho nhu cầu đầu tư phát triển. Tuy nhiên, sau năm 2015, vốn chủ sở hữu không còn được như trước nên việc phải đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của Tập đoàn năm 2016 là rất khó khăn.

Bảng 5: Nguồn bổ sung vào vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam năm 2016

TT	Nguồn bổ sung vào vốn chủ sở hữu của Petrovietnam	Đơn vị tính	Theo phương án giá dầu						
			100 USD	60 USD	60 USD	45 USD	40 USD	35 USD	30 USD
1	Từ 30% lợi nhuận	Tỷ USD	7,2	4,2	3,4	3,1	2,9	2,1	2,0
2	Từ lãi dầu nước chủ nhà để lại (25%)	Tỷ USD	5,0	3,2	2,8	2,6	2,4	2,2	2,0
Tổng cộng		Tỷ USD	12,2	7,4	6,2	5,7	5,3	4,3	4,0

Nguồn: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), tháng 1-2016.

Từ bảng trên có thể thấy, nếu giá dầu là 10 USD/thùng thì vốn chủ sở hữu của Tập đoàn có thể được bổ sung là 12,2 tỷ USD trên cơ sở có được từ 30% lợi nhuận để lại và 25% từ lãi dầu nước chủ nhà để lại, còn nếu giá dầu ở mức khoảng 30-40 USD/thùng vào thời điểm tháng 2-2016 thì vốn chủ sở hữu được bổ sung rất hạn chế, chỉ ở mức 4-5 tỷ USD/năm. Như vậy, nguồn bổ sung vào vốn chủ sở hữu năm 2016 rất thiếu so với nhu cầu đầu tư là 39.000 tỷ đồng từ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Điều này sẽ ảnh hưởng dây chuyền sang những năm tiếp theo. Điều đó có nghĩa là, nếu giá dầu năm 2016 không có thay đổi theo hướng tích cực thì nguồn vốn bổ sung cho quỹ đầu tư phát triển từ năm 2017 sẽ rất khó khăn.

4. Giải pháp đối với ngành dầu khí Việt Nam

Bên cạnh những thuận lợi nhất định, năm 2015-2016 xuất hiện ít nhất ba yếu tố mới ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh và đóng góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho đất nước trên hai khía cạnh là ngân sách nhà nước và tăng trưởng GDP. Đó là: (i) giá dầu giảm ngoài kỳ vọng (xuống dưới 30 USD/thùng) ; (ii) Tình hình Biển Đông phức tạp, Trung Quốc đã công bố chiến lược năng lượng và đẩy mạnh triển khai từ năm 2015 với bảy giải pháp, trong đó đẩy mạnh phát triển dầu khí ở Biển Hoa Đông và Biển Đông cùng với triển khai các loại vũ khí, khí tài ở các đảo nhân tạo trên quần đảo Trường Sa và

Hoàng Sa mà Trung Quốc chiếm đóng trái phép của Việt Nam; (iii) Các nhà thầu dầu khí, do đó, sẽ cân nhắc lại lợi ích đầu tư khi giá dầu giảm, khi triển khai thăm dò và khai thác ở vùng nước sâu có điều kiện tự nhiên phức tạp hơn và bất ổn ở Biển Đông bởi nó sẽ đòi hỏi độ mạo hiểm cao hơn và chi phí cao hơn.

Bởi vậy, ngành dầu khí, mà cốt lõi là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở quy hoạch đã được Chính phủ thông qua, căn cứ vào tình hình giá dầu hiện nay và dự báo biến động của nó trong thời gian tới, tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp: về tài chính và thu xếp vốn; về thị trường đảm bảo an toàn, môi trường và phát triển bền vững, trong đó, tập trung trọng tâm vào ba khâu đột phá là quản lý, con người và khoa học công nghệ.

Theo chủ trương trên, một số giải pháp điều hành chung trong toàn Tập đoàn có thể được tiến hành như sau:

Thứ nhất, tổ chức rà soát lại trong toàn Tập đoàn tất cả các nhiệm vụ, các chi phí thuê của nước ngoài. Mục tiêu là tiết giảm tới 20-30% chi phí khả biến trong cơ cấu giá thành sản phẩm và dịch vụ;

Thứ hai, chỉ đạo các đơn vị tự tổ chức trợ các đơn vị cung cấp dịch vụ có việc làm trong giai đoạn khó khăn này và yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ có giải pháp hạ giá dịch vụ một cách hợp lý;

Thứ ba, xây dựng ngay các giải pháp tài chính, bao gồm cả kế hoạch huy động nguồn vốn, sắp xếp các hạng mục đầu tư theo thứ tự ưu tiên để ứng phó kịp thời với những biến động xấu nhất của giá dầu trong năm 2016 và những năm tiếp theo;

Thứ tư, chỉ đạo các đơn vị sử dụng tối đa vật tư dự trữ, phối hợp sử dụng chung phụ tùng, vật tư cùng chủng loại; rà soát điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu hao vật tư theo hướng tiết kiệm và hiệu quả;

Thứ năm, quản lý sử dụng ngân sách tiết kiệm, giảm lương chức danh cán bộ chủ chốt và cắt giảm quỹ thưởng cũng như giãn tiến độ một số công việc;

Thứ sáu, tổ chức tập trung nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới để tái cơ cấu các loại sản phẩm của Tập đoàn nhằm gia tăng giá trị các sản phẩm trong chuỗi giá trị dầu khí để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Tập đoàn;

Thứ bảy, thực hiện các giải pháp quản trị, điều hành tiên tiến; tăng cường phân cấp để đảm bảo xử lý công việc nhanh, kịp thời, chính xác;

Thứ tám, cán bộ các cấp được phân cấp, phân quyền phải chịu trách nhiệm trước các quyết định của mình và hiệu quả cuối cùng của công việc;

Thứ chín, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Ví dụ như trường hợp Vietsovpetro. Công ty giảm thiểu thuê nước ngoài, quản lý sử dụng ngân sách tiết kiệm cũng như giãn tiến độ một số công việc, tiết giảm được khoảng 470 triệu USD so với ngân sách được Hội đồng 44 phê duyệt, về cơ cấu tổ chức, Vietsovpetro đang chuẩn bị phương án để trình hai phía xem xét và quyết định. Do giá dầu giảm mạnh và sự thiếu hụt tài chính của Vietsovpetro, Hội đồng 45 họp ngày 10-12-2015 quyết nghị tạm thời giảm 10% lương chức danh cán bộ chủ chốt và cắt giảm 28% quỹ thưởng. Ngoài nhiệm vụ sản xuất tại Lô 09-1, công ty tiếp tục nghiên cứu tiềm năng dầu khí và khả năng tham gia của Vietsovpetro vào các lô mỏ ở Việt Nam, Liên bang Nga, các nước thứ ba..., lập kế hoạch 5 năm 2016-2020, sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Quy chế tài chính, Quy chế nhân viên theo hướng phù hợp với Luật lao động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Vietsovpetro, lập kế hoạch sử dụng, luân chuyển hàng tồn kho.

Trong từng lĩnh vực của ngành dầu khí, có một số giải pháp cụ thể như sau:

4.1. Giải pháp trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm khai thác dầu khí

Mục tiêu của lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí được đặt ra là:

Thứ nhất, gia tăng trữ lượng giai đoạn 2011-2020 là 35-45 triệu tấn quy dầu/năm, trong nước 25-30 triệu tấn/năm, nước ngoài 10-15 triệu tấn/năm; giai đoạn 2021-2030 là 35-45 triệu tấn quy dầu/năm, trong nước 20-25 triệu tấn/năm, nước ngoài 15- 20 triệu tấn/năm;

Thứ hai, gia tăng khai thác dầu khí đến năm 2016 đạt 31 triệu tấn quy dầu/năm, trong đó khai thác trong nước 28 triệu tấn, nước ngoài 3 triệu tấn; đến năm 2020 đạt 44 triệu tấn quy dầu/năm trong đó khai thác trong nước 31 triệu tấn, nước ngoài 13 triệu tấn; đến năm 2030 duy trì ổn định ở mức 44 triệu tấn, trong đó khai thác trong nước 27-25 triệu tấn, nước ngoài 17-19 triệu tấn.

Điều đó có nghĩa là tranh thủ giá dịch vụ tìm kiếm, thăm dò và khai thác hiện đang rẻ, ngành dầu khí phấn đấu để Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gia tăng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài, trong khi cố gắng giữ ổn định việc tìm kiếm, thăm dò và khai thác ở trong nước nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, nhất là an ninh dầu mỏ.

Trên cơ sở mục tiêu này, nhiệm vụ tìm kiếm, thăm dò và khai thác của ngành dầu khí Việt Nam trong thời gian tới được xác định đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản tài nguyên dầu khí đảm bảo đến năm 2016 hoàn thành công tác điều tra cơ bản trong vùng nước sâu dưới 200 m. Đồng thời, đẩy mạnh đầu tư tìm kiếm, thăm dò dầu khí trên toàn thềm lục địa, đặc biệt là khu vực nước sâu, xa bờ, thông qua thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời chủ động tự đầu tư dẫn dắt. Tăng cường hoạt động tìm kiếm, thăm dò tại các khu vực truyền thống: gia tăng đầu tư tìm kiếm, thăm dò các đối tượng mới, kể cả các đối tượng phi truyền thống; chủ động tự đầu tư tìm kiếm, thăm dò ở các khu vực có tiềm năng dầu khí cao, rủi ro thấp; thu hút đầu tư nước ngoài vào các khu vực còn mỏ. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ khai thác thân dầu móng nứt nẻ, đảm bảo khai thác hiệu quả cao và kiểm chế đà suy giảm sản lượng của các mỏ hiện có; Tăng cường giám sát, kiểm tra, đảm bảo tiến độ phát triển các mỏ mới theo đúng kế hoạch. Tập trung đầu tư nghiên cứu để áp dụng các giải pháp gia tăng hệ số thu hồi dầu; Nghiên cứu các giải pháp để phát triển các mỏ nhỏ, cận biên. Đẩy nhanh việc tiếp cận và chuẩn bị để triển khai công tác phát triển và khai thác các phát hiện dầu khí vùng nước sâu, xa bờ.

Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh đầu tư thăm dò, khai thác dầu khí ở nước ngoài theo hướng xác định địa bàn đầu tư chiến lược tại các khu vực có tiềm năng dầu khí cao, thuận lợi về quan hệ chính trị với ba trung tâm là Nga và SNG, Nam Mỹ, Đông Nam Á. Kết hợp đa dạng hình thức đầu tư theo hướng tăng cường và mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác chiến lược, công ty dầu khí lớn để giảm thiểu rủi ro. Đồng thời, tập trung vào các dự án trọng điểm, các dự án hiện có để sớm đưa các mỏ đã phát hiện vào phát triển, khai thác và kết hợp gia tăng tìm kiếm, thăm dò và mua mỏ dầu khí.

Tính chung cho cả trong và ngoài nước, giai đoạn 2016-2030, tổng sản lượng dầu dự kiến được khai thác là 480 triệu tấn, tổng sản lượng khí dự kiến được khai thác là 280 tỷ m³ và tổng sản lượng quy dầu là 760 triệu tấn.

Như vậy, nếu giá dầu ở mức 30-35 USD/thùng, nhiều vấn đề phức tạp được đặt ra. Liệu chúng ta ứng xử thế nào? Đóng mỏ để giữ tài nguyên hay tiếp tục khai thác? Lấy lượng bù giá, chấp nhận lỗ để có nguồn thu hay khai thác cầm chừng chờ giá lên? Tất nhiên, dù là phương án nào thì chúng ta vẫn phải bảo đảm chi phí bảo dưỡng mỏ, vẫn phải duy trì công tác tìm kiếm, thăm dò, gia tăng trữ lượng cho những tính toán lâu dài. Nếu không, khi giá dầu phục hồi, Việt Nam có thể suy yếu về năng lực thăm dò, khai thác trong khi ngành dầu khí vẫn đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Muốn vậy, cần phải có kinh phí. Theo tính toán của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tổng chi phí rà soát tối ưu trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí là 840-870 triệu USD.

Trên cơ sở đó, cần có các giải pháp trước mắt hiện nay cho lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò dầu khí là:

Thứ nhất, rà soát lại các nhiệm vụ, các giếng khoan thăm dò thăm lượng để có các giải pháp tối ưu đảm bảo gia tăng đủ trữ lượng để chuẩn bị đưa mỏ vào khai thác khi giá dầu tăng trở lại;

Thứ hai, tranh thủ giá dịch vụ giảm, giảm khoan dư thừa, triển khai công tác điều tra cơ bản ở các vùng xa, nhạy cảm với mục tiêu trong năm 2016 sẽ triển khai khoan ít nhất một giếng khoan để thăm dò dầu khí và khẳng định mốc chủ quyền của quốc gia trên biển;

Thứ ba, tập trung tìm kiếm cơ hội tốt trong bối cảnh khó khăn thách thức hiện nay để đầu tư phát triển, mua mỏ/dự án chuẩn bị cho khai thác khi giá dầu tăng trở lại;

Thứ tư, phân đấu rà soát tối ưu chi phí (dừng/giãn) từ việc cân đối tiến độ các giếng khoan tìm kiếm thăm dò là 600-630 triệu USD, tức là để đối phó với giá dầu thô giảm, nên xem xét dừng khai thác những giếng dầu có chi phí cao hơn giá dầu thế giới.

Đối với công tác khai thác dầu khí, một số giải pháp quan trọng cần phải được thực hiện tối ưu chi phí vận hành, bảo dưỡng, tiêu hao nhiên liệu, mua sắm

vật tư, nguyên nhiên liệu và dịch vụ trong chi phí vận hành khai thác. Đồng thời, rà soát tất cả các giếng khoan, các lô/mỏ khai thác để có giải pháp sản lượng phù hợp. Trong trường hợp giá dầu giảm dưới 50 USD/thùng như hiện nay, Tập đoàn xem xét sản lượng ở một số giếng khoan có chi phí vừa phải và cân đối sản lượng ở những lô có chi phí tốt để bù vào phần sản lượng này theo nguyên tắc hiệu quả; Cần phân đấu tổng chi phí tối ưu cho công tác vận hành khai thác là 222 triệu USD, trong đó từ VSP là 102 triệu USD, từ PVEP là 120 triệu USD.

Đối với trường hợp của Vietsovpetro, định hướng của công ty năm 2016 là thực hiện các chỉ tiêu cơ bản như khai thác 5,0 triệu tấn dầu thô, nhiệm vụ bổ sung 100.000 tấn; thu gom và cung cấp vào bờ trên 1,3 tỷ m³ khí; khoan thăm dò với 8.000 m, khoan khai thác trên 85.000 m, kết thúc thi công 23 giếng mới, tiến hành sửa chữa lớn 9 lượt giếng khoan và cắt thân hai 4.340 m. Trong xây dựng các công trình biển, tập trung lực lượng đảm bảo tiến độ chế tạo, lắp đặt, cùng với xây dựng các đường ống ngầm để đưa vào khai thác giàn nhẹ RC-9 và giàn ThTC-3 trong quý III và quý IV-2016; hoàn thành đóng mới giàn Tam Đảo-05, sà lan nhà ở, dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2016 và 2 tàu dịch vụ vào tháng 3-2017. Trong công tác nhân sự, Vietsovpetro tập trung vào tinh giản biên chế, thực hiện việc đào tạo về kỹ thuật an toàn và quản lý an toàn cho những người chỉ huy trực tiếp công việc và lãnh đạo các công trình sản xuất.

4.2. Giải pháp trong lĩnh vực chế biến, phân phối dầu khí

Trong lĩnh vực lọc dầu, giai đoạn 2016-2020 phân đấu đưa Liên hợp lọc - hóa dầu Nghi Sơn công suất khoảng 10 triệu tấn/năm vào hoạt động và hoàn thành nâng cấp Nhà máy Lọc dầu Dung Quất lên công suất 10 triệu tấn/năm. Bên cạnh đó, đưa ba nhà máy sản xuất ethanol vào hoạt động với tổng công suất 300 triệu lít/năm. Trong giai đoạn 2021-2030, sẽ đưa nhà máy lọc dầu số 3 vào hoạt động.

Tình hình sản xuất, kinh doanh của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất vẫn diễn ra bình thường với 100% công suất do vẫn còn hợp đồng ký với các khách hàng tới tháng 4-2016. Trước đó, theo báo cáo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, kết thúc năm 2015 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) khá khả quan. Cụ thể, năm 2015, BSR đã đạt tổng doanh thu hợp nhất là 94.400 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch năm; lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm

2015 đạt 5.690 tỷ đồng, vượt 52% kế hoạch. Nhưng sau thời gian này, tình hình sản xuất của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ra sao thì chưa rõ, bởi lẽ nếu không có hợp đồng mới ký kết thì Nhà máy sẽ đứng trước nguy cơ đóng cửa. Dù đã đàm phán với đối tác giảm giá bán nhưng hiện Dung Quất mới ký được hợp đồng bán hàng tới hết tháng 3-2016. Chính khách hàng lớn nhất của Dung Quất là Tổng Công ty xuất nhập khẩu xăng dầu (Petrolimex) cũng chỉ “gật đầu” ký với nhà máy này hợp đồng cung ứng sản phẩm trong hai tháng đầu năm 2016, nhưng khối lượng cũng giảm từ 120.000 m³/tháng xuống còn 80.000 m³/tháng. Cũng bởi vậy, Tập đoàn Gazprom Neft của Nga đã chính thức có thư đề nghị dừng quá trình đàm phán việc chuyển nhượng 49% cổ phần Nhà máy Lọc dầu Dung Quất cho họ sẽ gây xôn xao dư luận nhưng trong lúc giá dầu đang giảm thì đây là việc làm cần thiết để tăng năng lực cạnh tranh nhằm đối phó với công tác điều tra cơ bản ở các vùng xa, nhạy cảm với mục tiêu trong năm 2016 sẽ triển khai khoan ít nhất một giếng khoan để thăm dò dầu khí và khẳng định chủ quyền của quốc gia trên biển; Mặt khác, cần tập trung tìm kiếm cơ hội tốt trong bối cảnh khó khăn thách thức hiện nay để đầu tư phát triển, mua mỏ/dự án chuẩn bị cho khai thác khi giá dầu tăng trở lại. Phần đầu rà soát tối ưu chi phí (dùng/giãn) từ việc cân đối tiến độ các giếng khoan tìm kiếm thăm dò là 600-630 triệu USD, tức là để đối phó với giá dầu thô giảm, nên xem xét dừng khai thác những giếng dầu có chi phí cao hơn giá dầu thế giới.

Để giải quyết vấn đề này, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có văn bản “cầu cứu” gửi tới Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ về chính sách thuế dành cho sản phẩm của Dung Quất. Theo lập luận của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong cơ cấu sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, mặt hàng xăng dầu chiếm tới hơn 90% tổng lượng sản phẩm của toàn nhà máy. Vì thế, nếu các mặt hàng này không tiêu thụ được sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới vận hành an toàn của nhà máy, khả năng nhà máy có thể ngừng sản xuất.

Hiện xăng của Dung Quất chịu áp lực cạnh tranh với mặt hàng cùng chủng loại nhập từ Hàn Quốc, do mức thuế suất mà xăng của Dung Quất đang bị áp là 20%, trong khi theo Thông tư số 201/2015/TT-BTC thực hiện Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam - Hàn Quốc, sản phẩm nhập từ Hàn Quốc chỉ phải chịu thuế nhập khẩu 10%. Bởi vậy, dù đã giảm giá đến 1,3 USD/thùng so

với sáu tháng cuối năm 2015 nhưng sản phẩm của Dung Quất vẫn khó cạnh tranh với xăng nhập khẩu của Hàn Quốc. Còn mức thuế đối với dầu diesel sản xuất tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất là 20%, cao hơn so với sản phẩm nhập từ ASEAN chịu thuế nhập khẩu 5%. Dầu diesel là mặt hàng chủ lực của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, mỗi năm nhà máy sản xuất ra 2,5 - 3 triệu tấn. Với mức thuế suất cao, giá thành tăng, các đầu mối từ chối nhập khiến sản phẩm của nhà máy có khả năng sẽ bị tồn kho rất cao.

Trong lĩnh vực hóa dầu, giai đoạn 2016-2020 phân đầu đưa các dự án đang triển khai như Đạm Cà Mau, pp Nghi Sơn, PET xơ sợi Đình Vũ đi vào hoạt động. Cần triển khai đầu tư và đưa vào hoạt động Tổ hợp hóa dầu Long Sơn và nghiên cứu đầu tư một số dự án sản xuất phân bón NPK, hóa chất như amoniac, amoni nitrat, các sản phẩm hóa dầu khác. Trong giai đoạn 2020-2030, tập trung nghiên cứu đầu tư vào một số dự án sản xuất sản phẩm xơ sợi, chất dẻo và hóa chất có tiềm năng về thị trường, khả thi về nguyên liệu theo hướng tích hợp với các dự án chế biến khí, dự án lọc dầu nhằm nâng cao giá trị nguồn nguyên liệu khí và sản phẩm lọc dầu.

Trong lĩnh vực phân phối các sản phẩm dầu khí, triển khai mở rộng mạng lưới kinh doanh sản phẩm dầu khí và liên doanh với đối tác nước ngoài đã tham gia đầu tư vào các nhà máy lọc dầu để thành lập các công ty phân phối.

4.3. Giải pháp trong lĩnh vực công nghiệp khí

Mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp khí là cung cấp khí cho tiêu thụ công nghiệp và dân sinh trong nước và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, với quy mô sản lượng cả sản xuất và nhập khẩu khoảng 14 tỷ m³ vào năm 2015, 18-20 tỷ m³ vào năm 2020 và duy trì đến năm 2030. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện phát triển cơ sở hạ tầng công nghiệp khí bao và phát triển công nghiệp khí đồng bộ, gồm: hoàn chỉnh hạ tầng công nghiệp khí khu vực phía Nam; hình thành hạ tầng công nghiệp khí khu vực phía Bắc và miền Trung; triển khai xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống dẫn khí liên vùng, liên khu vực. Đặt mục tiêu thúc đẩy sản xuất LPG: đầu tư các dự án sản xuất LPG trong nước từ các nhà máy GPP và nhà máy lọc dầu, mở rộng công suất các kho chứa LPG hiện có và xây dựng mới để đáp ứng nhu cầu trong nước với quy mô khoảng 2,0 triệu tấn vào năm 2020 và 3-4 triệu tấn vào năm 2030. Đồng thời, cần có kế hoạch nhập khẩu

LPG, LNG một cách hiệu quả trên cơ sở cung, cầu khí trong nước, trong đó năm 2020 cung cấp 3,6 triệu tấn LNG; giai đoạn 2021-2025 là 6 triệu tấn LNG/năm và giai đoạn 2026-2030 là 10 triệu tấn LNG/năm.

Trên cơ sở mục tiêu đã được phê duyệt, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể của lĩnh vực công nghiệp khí là vận hành an toàn và hiệu quả hệ thống đường ống dẫn khí hiện có như Bạch Hổ - Dinh Cố, Nam Côn Sơn, PM3 - Cà Mau và nhà máy chế biến khí Dinh Cố. Chú trọng việc đẩy mạnh và khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng hệ thống thu gom khí liên kết giữa các mỏ với hệ thống đường ống hiện có nhằm đa công suất của đường ống Cửu Long, Nam Côn Sơn và PM3 - Cà Mau. Đồng thời, triển khai các dự án vận chuyển, phân phối khí mới là đường ống Nam Côn Sơn, Lô B - Ô Môn, hệ thống Đô từ các lô 102-106, 103-107 về Thái Bình, hệ thống Đô từ các lô 117, 118, 119 về bò, hệ thống Đô từ lô 113 về bò, đường ống kết nối Đông - Tây Nam Bộ, đường ống Phú Mỹ - Thành phố Hồ Chí Minh mở rộng công suất, mạng cung cấp khí thấp áp khu vực Tây Nam Bộ, mạng cung cấp khí thấp áp khu vực miền Bắc và miền Trung.

Theo các chuyên gia ngành công nghiệp khí, muốn thực hiện đúng theo quy hoạch ngành khí được Chính phủ phê duyệt thì ngay lúc này cần có phương án và giải pháp xử lý các thách thức của ngành khí như xây dựng hạ tầng đường ống dẫn khí, nhà máy xử lý khí từng vùng, có cơ chế về giá khí phân phối cho từng ngành tiêu dùng, từng vùng, Cần sớm thực hiện việc nhập khẩu khí LNG trong thời điểm giá dầu đang xuống thấp như hiện nay.

4.4. Giải pháp trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí

Mục tiêu của lĩnh vực này là phấn đấu đến năm 2020 đáp ứng 60-70% nhu cầu dịch vụ dầu khí trong nước đến năm 2030 cơ bản đáp ứng được nhu cầu dịch vụ trong nước.

Trên cơ sở mục tiêu nêu trên, nhiệm vụ và giải pháp của lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí là tập trung phát triển các lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao gồm khoan và kỹ thuật giếng khoan; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát sửa chữa công trình ngầm; thiết kế, cơ khí chế tạo, lắp ráp các công trình biển; dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí; dịch vụ tàu chứa, xử lý và xuất dầu thô; dịch

vụ cảng chuyên ngành dầu khí; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy/công trình dầu khí.

5. Kết luận

Có thể thấy, để ứng phó với diễn biến của giá dầu trong năm 2016 và thời gian tới, Petrovietnam đã đưa ra nhiều phương án, thực hiện đồng loạt các giải pháp nhằm đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước và bảo toàn vốn của Tập đoàn. Petrovietnam đang rà soát lại tổng thể chi phí khai thác từng mỏ, tiết kiệm tối đa chi phí vận hành và chi phí quản lý phân bổ củng cố và tăng cường công tác dự báo thị trường để luôn chủ động cân đối hợp lý sản lượng khai thác của từng mỏ so với giá thành trong từng thời điểm. Tập trung rà soát, tiết giảm thêm các loại chi phí từ 10-20% ở Tập đoàn và tất cả các đơn vị thành viên trong Petrovietnam.

Ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tăng cường công tác quản trị rủi ro. Điều phối hợp lý giữa sản lượng khai thác, xuất khẩu và chế biến để đảm bảo hiệu quả kinh tế. Cân đối nguồn vốn, dòng tiền cho nhu cầu đầu tư phát triển, sản xuất, kinh doanh; phân loại và sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn, đầu tư theo trọng điểm; tập trung vốn cho các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của Tập đoàn; chủ động dừng hoặc giãn tiến độ các dự án chưa thực sự cấp bách, hiệu quả kinh tế - xã hội không cao.

Giá dầu càng giảm sâu và kéo dài thì tác động của nó tới các công ty năng lượng và những nước đang trỗi dậy, vấn đề này lệ thuộc nhiều vào xuất khẩu dầu thô cũng như nền kinh tế thế giới là rất lớn. Dầu khí là tài nguyên không tái tạo, là nhiên liệu tối cần thiết cho mỗi quốc gia, do vậy dù giá có đi xuống, chắc chắn một ngày nó sẽ phải đi lên theo đúng quy luật. Vấn đề là khả năng đối phó, sức chịu đựng và tâm thế chuẩn bị cho tương lai của mỗi công ty, mỗi quốc gia như thế nào mà thôi.

Nhìn chung, Việt Nam chưa sẵn sàng trước nguy cơ cuộc khủng hoảng năng lượng lần thứ ba khi giá dầu tăng cao. Để thỏa mãn nhu cầu xăng dầu cho nền kinh tế, hiện nay chúng ta chỉ có giải pháp duy nhất là nhập khẩu xăng dầu. Giải pháp này đưa nước ta vào thế bị động vì nếu giá dầu tăng cao thì cả thế giới

sẽ lâm vào khủng hoảng dầu mỏ gay gắt, nguồn cung không đủ cầu. Như vậy, nguồn xăng dầu cho tiêu dùng và dầu thô cho các nhà máy lọc dầu trong tương lai đều phải nhập khẩu từ nước ngoài. Nhưng nhập từ đâu với giá cả biến động ra sao đều là bài toán chưa có lời giải, thậm chí khó có lời giải trong các giai đoạn tới.

Nhà nước rõ ràng chưa sẵn sàng trước nguy cơ cuộc khủng hoảng năng lượng do giá dầu tăng đe dọa tới sự ổn định đời sống xã hội và tăng trưởng kinh tế của đất nước trong giai đoạn tới. Giải pháp bù lỗ giá xăng dầu để giữ ổn định thị trường trước đây chỉ là giải pháp tình thế và không bền vững. Giải pháp tăng giá xăng dầu đột ngột giai đoạn 2013-2014 là giải pháp bất khả kháng, bị động theo thị trường thế giới, có nguy cơ kéo theo “con bão” tăng giá các hàng hóa khác trên thị trường nội địa, tiềm ẩn rất nhiều bất an cho nền kinh tế đang cần sự phát triển ổn định. Bởi vậy, Nhà nước cần đặt ra mục tiêu chiến lược ngắn hạn và dài hạn với một lộ trình khả thi nhằm đích đến là giảm từng phần, đi đến giảm về cơ bản sự phụ thuộc vào xăng dầu nhập khẩu từ nước ngoài từ nay cho đến năm 2020 và xa hơn, bằng cách đầu tư mạnh và tập trung cho nghiên cứu, sản xuất và đưa vào sử dụng bổ sung thêm những dạng nhiên liệu mới như ethanol từ phế thải nông, lâm nghiệp (cellulosic ethanol), biodiesel từ dầu mỡ động, thực vật (loại phế thải hoặc loại không ăn được), đặc biệt dạng nhiên liệu mang tính chiến lược lâu dài là hydro từ than và từ nước nhờ xúc tác dưới ánh nắng mặt trời. Bên cạnh đó, tìm cách sử dụng hợp lý và có chính sách, biện pháp quyết liệt để tiết kiệm xăng dầu hiệu quả trong toàn bộ nền kinh tế, đồng thời không nên tăng sản lượng khai thác dầu thô để xuất khẩu, bảo đảm dự trữ dầu với một cơ sở an toàn cho hoạt động của các nhà máy lọc dầu sắp hoạt động.

Trên cơ sở đó, về cơ chế, chính sách cần thiết phải ban hành Nghị quyết về định hướng phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến năm 2030 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước để ngành dầu khí thực sự là ngành kinh tế chủ đạo, đi đầu trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời, xem xét sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 190/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29-1-2011. Bên cạnh đó, cần xem xét ban hành Nghị định của Chính phủ về Quy chế tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phù hợp với

Nghị định số 101/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, cho phép Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được sử dụng 100% tiền lãi từ hoạt động dầu khí của Liên doanh Việt - Nga (Vietsovpetro - VSP) sau khi đã đóng góp các khoản thuế và nghĩa vụ phù hợp với Luật doanh nghiệp, vì hiện nay phần góp vốn vào Liên doanh VSP đã được tính vào vốn Điều lệ của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tiếp tục thực hiện cơ chế tài chính theo tinh thần Kết luận số 41-KL/TW là để lại tối thiểu 50% lãi dầu từ các hợp đồng phân chia sản phẩm để Tập đoàn chủ động đầu tư và phát triển sản xuất, kinh doanh cho các hoạt động chính của Tập đoàn. Không thực hiện cơ chế ghi thu - ghi chi như hiện nay; (vi) giao cho Tập đoàn làm chủ đầu tư các nhà máy điện khí sử dụng các nguồn khí từ các đường ống dẫn khí khu vực miền Nam, miền Trung và miền Bắc.

Trước những biến động và tác động tiêu cực của giá dầu đến hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, bên cạnh những giải pháp chủ động đề ứng phó đề Chính phủ cần có một số giải pháp cụ thể:

Thứ nhất, cho phép Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ động làm việc với các đối tác liên doanh trong nước và nước ngoài, các nhà điều hành khai thác mỏ để tối ưu hóa chương trình khai thác dầu khí theo nguyên tắc: vẫn đảm bảo sản lượng khai thác năm 2015 và năm 2016 như kế hoạch Chính phủ đã giao và bảo vệ tài nguyên quốc gia, lợi ích của Nhà nước, lợi ích của nhà đầu tư;

Thứ hai, cho phép Tập đoàn xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt chính sách ưu đãi về thuế đối với các mỏ khai thác dầu khí cận biên, xa bờ/khu vực nhạy cảm để khuyến khích khai thác tại các mỏ này; kêu gọi và khuyến khích các nhà đầu tư tiếp tục triển khai các dự án tại thềm lục địa Việt Nam;

Thứ ba, các đơn vị dịch vụ dầu khí trên thế giới và khu vực sẽ gặp nhiều khó khăn, họ sẵn sàng vào Việt Nam bằng mọi giá để giảm lỗ. Do vậy, để hỗ trợ các đơn vị dịch vụ trong ngành đảm bảo công việc cho cán bộ, công nhân viên vượt qua giai đoạn khó khăn, Chính phủ nên cho phép Tập đoàn được tự tổ chức giao cho các đơn vị có chức năng trong Tập đoàn thực hiện cung cấp dịch vụ trong nội bộ các đơn vị sản xuất của Tập đoàn - Tập đoàn cần yêu cầu các đơn vị dịch vụ xây dựng giải pháp cụ thể đảm bảo giá dịch vụ hợp lý nhằm tiết kiệm

chi phí sản xuất, hiện tại giá các loại dịch vụ có tốc độ giảm chậm hơn nhiều so với giảm giá dầu;

Thứ tư, cho phép Tập đoàn xây dựng hệ thống cơ chế giá khí nhằm đảm bảo thúc đẩy phát triển mạnh mẽ công nghiệp xử lý, chế biến dầu khí;

Thứ năm, cho phép Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thúc đẩy đàm phán chuyển nhượng dự án khí Lô B - Ô Môn và triển khai đồng bộ các công việc thực địa nhằm sớm đưa khí từ dự án này vào phục vụ phát triển kinh tế-xã hội đất nước;

Thứ sáu, để đảm bảo nguồn tài chính cho đầu tư phát triển của Tập đoàn trong năm 2015-2016 và những năm tiếp theo, cho phép Tập đoàn chủ động thực hiện thoái vốn đối với một số đơn vị thành viên ở mức giữ tỷ lệ vốn hợp lý và được để lại phần thặng dư từ cổ phần hóa và tái cấu trúc doanh nghiệp để bù đắp cho quỹ đầu tư phát triển;

Thứ bảy, cho phép Tập đoàn phối hợp với các đối tác triển khai mua tích trữ 10 triệu thùng dầu thô và dầu sản phẩm khi giá dầu xuống thấp (30 USD/thùng) để đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước và hiệu quả đầu tư;

Thứ tám, cho phép Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đẩy nhanh đầu tư xây dựng kho dự trữ dầu thô ở Dung Quất và đề nghị Bộ Tài chính xây dựng cơ chế tài chính, bố trí nguồn vốn để thực hiện đầu tư và vận hành dự án xây dựng kho dự trữ dầu thô. Trước mắt, giao cho Tập đoàn thu xếp nguồn tài chính để triển khai thực hiện và sớm đưa dự án vào hoạt động;

Thứ chín, để đáp ứng vốn cho nhu cầu sản xuất của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (VSP), cho phép VSP thực hiện các giải pháp tài chính như Tập đoàn đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9163/DKVN-HĐTV ngày 27-12-2014;

Thứ mười, cho phép Tập đoàn được thực hiện các dự án nhiệt điện khí khai thác khí từ Lô B theo quy hoạch để Tập đoàn chủ động trong việc triển khai đồng bộ tiến độ các khâu từ phát triển mỏ đến tiêu thụ khí của Lô B.

Ngành dầu khí Việt Nam vẫn là một ngành công nghiệp non trẻ vì ra đời tương đối muộn do hoàn cảnh chiến tranh liên miên của đất nước. Mặc dù vậy, ngành đã phát triển mạnh mẽ, có những đóng góp quan trọng cho tiến trình đổi

mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, và do vậy, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, hiện nay, ngành dầu khí Việt Nam đang ngày càng phải đối mặt với nhiều thách thức to lớn vì sản lượng khai thác bắt đầu giảm dần do dầu ở mỏ Bạch Hổ đã qua thời kỳ cho sản lượng cao, trong khi sản lượng dầu dựa vào mỏ Sư Tử Trắng với trữ lượng theo báo cáo là rất lớn, nhưng khi đi vào khai thác, sản lượng lại rất ít do cấu trúc địa chất phức tạp, vì vậy sản lượng dầu khai thác không như mong đợi, trong khi nhu cầu về xăng dầu trong nước ngày càng tăng mạnh.

Giá dầu giảm mạnh trong giai đoạn hiện nay đang làm cho nền kinh tế gặp một số khó khăn. Đặc biệt, sự đóng góp của ngành dầu khí cho ngân sách nhà nước bị suy giảm mạnh do doanh thu và hoạt động của ngành sụt giảm. Tuy nhiên, Việt Nam là nước nhập siêu sản phẩm xăng dầu, nên rõ ràng giá dầu giảm là điều tốt lành hơn chứ không phải là một tai họa cho Việt Nam như đối với những trường hợp tiêu cực ở Nga, Vênêxuêla và Ả-rập Xê-út. Điều quan trọng là, Nhà nước cần cảnh giác trước nguy cơ cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ ba với đặc điểm khác các cuộc khủng hoảng năng lượng trước đây dễ từng bước giảm, đi đến giảm về cơ bản sự phụ thuộc vào xăng dầu nhập khẩu từ nước ngoài từ nay cho đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

TTBD ĐBDC